

Số: 211/QĐ-TX

Hóc Môn, ngày 06 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh**  
**từ năm học 2024 - 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN XUÂN**

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5058/SGDĐT-GDTrH ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 2198/KH-GDĐT-THCS ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp Trung học cơ sở năm học 2024-2025

Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 của trường THCS Tân Xuân,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh trường Trung học cơ sở Tân Xuân từ năm học 2024-2025;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu: VT.





**QUY CHẾ****KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TỪ NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TX ngày 06 tháng 9 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân Xuân)

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định nội dung, hình thức, cách thức tổ chức, thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh trong quá trình học tập; kiểm tra tại trường bao gồm: công tác chuẩn bị cho các kỳ kiểm tra; công tác ra đề kiểm tra, coi kiểm tra; chấm trả bài kiểm tra và chấm trả bài phúc khảo; nhập điểm, quản lý điểm; kiểm tra, đánh giá; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế được thực hiện đối với toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh trường THCS Tân Xuân huyện Hóc Môn và các giáo viên khác đang tham gia giảng dạy tại trường.

3. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành, thay thế cho các Quy chế liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá trước đây của nhà trường.

**Điều 2. Mục đích, yêu cầu**

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.

Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

Kiểm tra, đánh giá quá trình tổ chức dạy học và giáo dục của nhà trường qua đó đánh giá đúng thực chất năng lực, trình độ của mỗi học sinh và hiệu quả giảng dạy của mỗi giáo viên.

Nhằm giúp cho việc kiểm tra, đánh giá của nhà trường cuối mỗi học kì và cuối năm học.

## CHƯƠNG II CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

### Điều 3. Hình thức kiểm tra, đánh giá

#### 1. Đánh giá bằng nhận xét

a) Giáo viên dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Học sinh dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

c) Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục học sinh cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh.

d) Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

#### 2. Đánh giá bằng điểm số

a) Giáo viên dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

#### 3. Hình thức đánh giá đối với các môn học

a) Đánh giá bằng **nhận xét** đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, **Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

b) Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trừ các môn học quy định tại điểm a khoản này; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

## **Điều 4. Các loại kiểm tra, đánh giá**

### **1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên**

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình GDPT 2018.

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học như sau:

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm cụm chuyên đề học tập): mỗi học kì chọn 02 lần.

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên theo đúng quy định.

+ Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học ở cấp trung học phổ thông, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định.

### **2. Kiểm tra, đánh giá định kì**

Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT 2018.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu

cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT 2018 trước khi thực hiện.

Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 lần đánh giá giữa kì và 01 lần đánh giá cuối kì.

Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 điểm đánh giá giữa kì và 01 điểm đánh giá cuối kì.

Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bổ sung với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.

Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bổ sung theo quy định thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

### **3. Rèn luyện, kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè**

Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè, hình thức rèn luyện do Hiệu trưởng quy định. Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè, giáo viên chủ nhiệm giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh. Cuối kì nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được giáo viên chủ nhiệm đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ kí xác nhận của cha mẹ học sinh) thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh.

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTBmôn dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số).

#### **Điều 5. Hệ số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ**

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐGtx): tính hệ số 1;
- Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐGgk): tính hệ số 2;
- Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐGck): tính hệ số 3.

#### **Điều 6. Số điểm kiểm tra, đánh giá và cách cho điểm**

Trong mỗi học kì, số ĐĐGtx, ĐĐGgk và ĐĐGck của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

##### **\* Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐGtx;
- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;
- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.

**\* Kiểm tra, đánh giá định kì:**

1. Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

2. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 (một) lần đánh giá giữa kì và 01 (một) lần đánh giá cuối kì.

3. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐG<sub>gk</sub>) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐG<sub>ck</sub>).

4. Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.

5. Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 4 Điều này thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

**Điều 7. Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh**

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì

- Mức Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.

- Mức Khá: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.

- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Mức Chưa đạt: Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học

- Mức Tốt: học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá từ mức Khá trở lên.

- Mức Khá: học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Tốt; học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.

- Mức Đạt: học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt; học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá mức Chưa đạt.

- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

## **Điều 8. Đánh giá kết quả học tập của học sinh**

### **1. Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo môn học**

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là  $\text{ĐTB}_{\text{mhk}}$ ) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

$\text{TĐĐG}_{\text{tx}}$ : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là  $\text{ĐTB}_{\text{mcn}}$ ) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

$\text{ĐTB}_{\text{mhkI}}$ : Điểm trung bình môn học kì I.

## 2. Đánh giá kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, ĐTB<sub>mhk</sub> được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, ĐTB<sub>mcn</sub> được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

### a) Mức Tốt:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB<sub>mhk</sub>, ĐTB<sub>mcn</sub> từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTB<sub>mhk</sub>, ĐTB<sub>mcn</sub> đạt từ 8,0 điểm trở lên.

### b) Mức Khá:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB<sub>mhk</sub>, ĐTB<sub>mcn</sub> từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTB<sub>mhk</sub>, ĐTB<sub>mcn</sub> đạt từ 6,5 điểm trở lên.

### c) Mức Đạt:

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.
- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB<sub>mhk</sub>, ĐTB<sub>mcn</sub> từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có ĐTB<sub>mhk</sub>, ĐTB<sub>mcn</sub> dưới 3,5 điểm.

### d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

## 3. Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

## Điều 9. Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất

1. Học sinh gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.

3. Việc cho phép miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo từng học kì hoặc từng năm học.

4. Đối với học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định tại Điều này được kiểm tra, đánh giá thay thế bằng nội dung lý thuyết để có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định.

### **Điều 10. Đánh giá học sinh khuyết tật hoà nhập**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng được theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả rèn luyện và học tập. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá kết quả thực hiện rèn luyện và học tập theo Kế hoạch giáo dục cá nhân; không kiểm tra, đánh giá những nội dung môn học hoặc môn học được miễn.

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu của chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng được yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá kết quả thực hiện rèn luyện và học tập theo Kế hoạch giáo dục cá nhân.

## **CHƯƠNG III**

### **SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI HỌC SINH**

#### **Điều 11. Được lên lớp, đánh giá lại trong kì nghỉ hè, không được lên lớp**

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp hoặc được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông:

a) Kết quả rèn luyện cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này) được đánh giá mức Đạt trở lên.

b) Kết quả học tập cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại các môn học theo quy định) được đánh giá mức Đạt trở lên.

c) Nghỉ học không quá 45 buổi trong một năm học (tính theo kế hoạch giáo dục 01 buổi/ngày được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm nghỉ học có phép và không phép, nghỉ học liên tục hoặc không liên tục).

2. Trường hợp học sinh phải rèn luyện trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định, học sinh phải kiểm tra, đánh giá lại môn học trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định.

3. Học sinh không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì không được lên lớp hoặc không được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông.

4. Đối với học sinh khuyết tật: Hiệu trưởng căn cứ kết quả đánh giá học sinh khuyết tật theo quy định để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông đối với học sinh khuyết tật.

### **Điều 12. Rèn luyện trong kì nghỉ hè**

1. Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè.

2. Hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè do Hiệu trưởng quy định.

3. Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè, giáo viên chủ nhiệm giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh. Cuối kì nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được giáo viên chủ nhiệm đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ kí xác nhận của cha mẹ học sinh) thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh. Kết quả đánh giá lại được sử dụng thay thế cho kết quả rèn luyện cả năm học để xét lên lớp theo quy định.

### **Điều 13. Kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè**

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTB<sub>môn</sub> dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số). Kết quả đánh giá lại của môn học nào được sử dụng thay thế cho kết quả học tập cả năm học của môn học đó để xét lên lớp theo quy định.

### **Điều 14. Khen thưởng**

1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh

a) Khen thưởng cuối năm học

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Xuất sắc" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt và có ít nhất 06 (sáu) môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số có ĐTB<sub>mcn</sub> đạt từ 9,0 điểm trở lên.

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Giỏi" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt.

b) Khen thưởng học sinh có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập trong năm học.

2. Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

## **CHƯƠNG IV**

### **CÔNG TÁC COI KIỂM TRA, CHẤM BÀI KIỂM TRA**

#### **Điều 15. Yêu cầu tổ chức kiểm tra, đánh giá**

1. Thực hiện kỳ kiểm tra nghiêm túc, qua đó đánh giá đúng thực chất chất lượng dạy học.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ, học kỳ theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Phòng Giáo dục; triển khai kế hoạch kiểm tra trong Hội đồng Sư phạm (lịch kiểm tra, chấm bài, trả sửa bài kiểm tra, vào điểm, cộng điểm, phê học bạ, và thống kê báo cáo của trường...); Hiệu trưởng sinh hoạt kỹ nội quy coi kiểm tra cho giáo viên trong Hội đồng sư phạm nhà trường (nhắc nhở cụ thể việc coi kiểm tra nghiêm túc, trong quá trình coi kiểm tra không mang đồ dùng cá nhân lên phòng, tuyệt đối không sử dụng điện thoại, đọc báo trong lúc coi kiểm tra...) và sinh hoạt kỹ nội quy kiểm tra cho toàn thể học sinh (đến đúng giờ, những vật dụng được mang vào phòng kiểm tra, không được trao đổi, bàn bạc, không quay cóp và làm mất trật tự, ...

3. Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn học theo quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

4. Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh theo nội dung môn học quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong mỗi học kỳ, cả năm học.

5. Đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh yếu kém bộ môn.

## **Điều 16. Thành lập hội đồng kiểm tra, đánh giá**

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng kiểm tra và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng. Thành viên hội đồng gồm: Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và các thành viên phụ trách các công việc của đợt kiểm tra định kỳ. Cụ thể:

- Chủ tịch hội đồng: Chịu trách nhiệm về quyết định thành lập hội đồng kiểm tra định kỳ, chỉ đạo tổ chức phân công phương án thực hiện nhiệm vụ trong các kì kiểm tra định kỳ; chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế ra đề, coi kiểm tra, chấm thi, nhập điểm, thanh tra, ra quyết định xử lý vi phạm quy chế coi và chấm kiểm tra.

- Phó Chủ tịch hội đồng: Chịu trách nhiệm trực tiếp về chỉ đạo điều hành quản lí, chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí phòng kiểm tra, phối hợp với các bộ phận chuyên môn, đảm bảo an ninh trật tự trong các kỳ kiểm tra định kỳ; Điều hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui chế coi kiểm tra của giáo viên, ra quyết định xử lý học sinh vi phạm qui chế kiểm tra; Chịu trách nhiệm trực tiếp về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch tổ chức các kỳ kiểm tra định kỳ ở các khâu chuyên môn (triển khai qui chế kiểm tra, duyệt đề kiểm tra, tổ chức in sao, bảo mật và phân phối đề kiểm tra định kỳ, phân công coi, chấm kiểm tra và trả sửa bài kiểm tra, tổ chức phúc khảo, tổ chức quản lý điểm số); Điều hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui chế coi kiểm tra của giáo viên, ra quyết định xử lý học sinh vi phạm qui chế kiểm tra.

- Tổ trưởng chuyên môn: Chịu trách nhiệm về nội dung và tính bảo mật của đề kiểm tra.

- Các giáo viên bộ môn: Chịu trách nhiệm ra đề kiểm tra theo đúng nội dung thống nhất trong tổ và đảm bảo tính bảo mật của đề kiểm tra khi gửi cho tổ trưởng.

- Trưởng ban Thanh tra nhân dân: Chịu trách nhiệm giám sát tất cả các khâu trong quá trình kiểm tra – đánh giá học sinh.

- Cán bộ coi thi: Thực hiện tốt các công việc phân công của Chủ tịch hội đồng.

- Cán bộ chấm thi: Chịu trách nhiệm chấm bài theo đúng quy định.

## **Điều 17. Hội đồng coi kiểm tra**

1. Hiệu trưởng ra quyết định phân công cán bộ, giáo viên thực hiện các công việc chuẩn bị và coi kiểm tra trong mỗi đợt coi kiểm tra tập trung (trước ngày kiểm tra 01 tuần).

2. Thành phần Hội đồng coi kiểm tra

a) Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Tổ trưởng chuyên môn.

c) Thư ký Hội đồng coi kiểm tra: Một thành viên trong giám thị văn phòng.

d) Thanh tra nhân dân: Một thành viên trong Ban thanh tra nhân dân.

e) Cán bộ coi kiểm tra: Giáo viên bộ môn.

### 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng coi kiểm tra.

a) Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Điều hành và chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc của Hội đồng coi kiểm tra. Xử lý các sự cố bất thường; Tiếp nhận và xử lý thông tin, bằng chứng về vi phạm quy chế thi/ kiểm tra; Xử lý Cán bộ tham gia tổ chức thi/ kiểm tra và cá nhân liên quan khác vi phạm quy chế thi/ kiểm tra; Xử lý thí sinh vi phạm quy chế thi/ kiểm tra: Căn cứ Điều 46, 47, 48, 49 Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thi THPT và xét TN THPT.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Giúp Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra trong công tác điều hành.

c) Thư ký Hội đồng coi kiểm tra: Giúp Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra chuẩn bị các loại hồ sơ, soạn thảo các văn bản, các bản biểu cần thiết.

d) Giám thị: thực hiện công tác coi kiểm tra theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra.

### **Điều 18. Nội dung, cấu trúc, yêu cầu của đề kiểm tra**

1. Nội dung của đề kiểm tra phải bảo đảm đúng hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học tại thời điểm tổ chức kiểm tra theo quy định. Trước ngày kiểm tra 2 tuần, tổ trưởng chuyên môn họp tổ và thống nhất cụ thể nội dung, cấu trúc đề kiểm tra và ghi biên bản trong sổ chuyên môn tổ; Nội dung đề kiểm tra nằm trong chương trình trung học cơ sở hiện hành và đúng theo cấu trúc đề tổ chuyên môn đã thống nhất.

2. Tổ/ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phải phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Về các loại bài kiểm tra trong năm học của các môn học (kiểm tra đánh giá thường xuyên; kiểm tra đánh giá định kỳ): Cần có kế hoạch thực hiện vừa đủ số bài kiểm tra theo quy định của từng môn. Không kiểm tra liên tục, thường xuyên và không tăng số lượng bài kiểm tra quá mức quy định để tránh gây áp lực học tập căng thẳng lên học sinh. Nội dung và mức độ của bài kiểm tra cần phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn học và trình độ học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và theo các văn bản hướng dẫn điều chỉnh tại thời điểm kiểm tra, đánh giá; có sự thống nhất nội dung, hình thức và thời gian kiểm tra giữa các thành viên trong tổ, nhóm.

3. Qui định về bài kiểm tra định kì: Tùy vào điều kiện thực tế tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, nhà trường, tổ /nhóm chuyên môn và giáo viên cần yêu cầu nội dung đề kiểm tra theo các mức độ phù hợp (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận

dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học; xây dựng nội dung đề kiểm tra bao quát, thực tiễn tiếp cận đánh giá năng lực học sinh. Tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

4. Kết hợp một cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

5. Quy trình soạn bài kiểm tra định kỳ:

- Lịch kiểm tra định kỳ phải được thể hiện trong kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn và giáo viên từ đầu năm học;

- Nội dung kiểm tra cần được thảo luận, thống nhất trong nhóm bộ môn trước ít nhất 2 tuần. Các tổ, nhóm bộ môn xây dựng 1 ma trận đề cho mỗi khối lớp; giáo viên bộ môn căn cứ trên ma trận đề để xây dựng đề kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Giáo viên biên soạn đề cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Đảm bảo nội dung đề đúng theo nội dung đã thống nhất trong tổ/ nhóm bộ môn;

+ Đảm bảo tính bảo mật của đề;

+ Đảm bảo tính khách quan, công bằng cho học sinh các lớp;

+ Đề kiểm tra được trình bày rõ ràng, không sai lỗi chính tả, phù hợp với đặc trưng bộ môn; đối với đề đề nghị kiểm tra đánh giá cuối kì phải có phần phách, có phần đánh số thứ tự... Đảm bảo đúng thể thức văn bản theo đúng quy định về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

+ Đề kiểm tra của các thành viên trong nhóm bộ môn phải được lưu vào sổ nhóm.

+ Người ra đề kiểm tra đánh giá phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các sai sót trong đề kiểm tra đánh giá (nếu có).

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được phân công duyệt đề kiểm tra có thể trao đổi với tổ trưởng hoặc nhóm trưởng (nếu cần) để điều chỉnh nội dung và chọn đề kiểm tra đánh giá định kì;

- Đề kiểm tra phải ghi rõ số điểm của mỗi câu hỏi; Đề kiểm tra phải có chữ "HẾT" tại điểm kết thúc đề và phải ghi rõ có mấy trang (đối với đề thi có từ 02 trang trở lên). *(Trích điều 15 Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thi THPT và xét TN THPT)*

- Đề kiểm tra và đáp án của mỗi môn kiểm tra thuộc danh mục tài liệu tối mật theo qui định hiện hành cho đến thời điểm hết giờ làm bài của môn kiểm tra đó.

## **Điều 19. Chấm kiểm tra**

1. Kết thúc kiểm tra, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận Giám thị văn phòng làm phách. Thực hiện việc cắt phách sau khi đã lên mã phách. Phó hiệu trưởng chuyên môn bảo mật phần phách.

2. Tổ trưởng chuyên môn sau khi đã thống nhất trong nhóm, tổ chuyên môn sẽ nhận bài kiểm tra của học sinh tại phòng thực hành; Phân công giáo viên bộ môn trong tổ chấm bài và nhập điểm trên phần mềm quản lý điểm (trễ nhất là 01 tuần sau ngày kiểm tra).

3. Chấm, trả bài kiểm tra định kì:

- Việc chấm, trả bài cho học sinh phải đúng thời gian qui định:

+ Bài kiểm tra đánh giá thường xuyên: Trả bài sau 1 tuần kể từ ngày kiểm tra;

+ Bài kiểm tra đánh giá giữa kì: Thời gian trả bài được thực hiện chậm nhất là hai tuần kể từ ngày kiểm tra;

+ Bài kiểm tra đánh giá cuối kì: Thực hiện theo lịch công tác của nhà trường.

- Khi chấm các bài kiểm tra đánh giá học sinh: Giáo viên phải chấm cẩn thận, đúng đáp án, ghi rõ điểm từng câu, từng phần vào bài làm của học sinh. Đối với các bài kiểm tra tại lớp (kiểm tra thường xuyên) giáo viên cần sửa chữa sai sót cho học sinh, ghi nhận xét đầy đủ, đánh giá bài làm của học sinh, giúp học sinh rút kinh nghiệm trong lần kiểm tra tiếp theo.

- Giáo viên chấm bài đúng đáp án biểu điểm, gạch chéo tất cả những phần giấy trắng còn thừa do HS không viết hết và tuyệt đối không ghi gì vào bài làm của học sinh. Giáo viên chấm trực tiếp ghi điểm toàn bộ bài vào ô qui định của tờ bài làm, ghi điểm thành phần (vào phần lề tờ giấy kiểm tra, ngay cạnh ý được chấm). Đối với bài kiểm tra phải nộp về trường quản lý thì giáo viên phải ký và ghi rõ họ tên vào ô qui định của tờ làm bài. Điểm của toàn bài được ghi bằng mực đỏ, nếu có sự thay đổi điểm thì gạch chéo điểm đã cho và ghi điểm mới bằng cả số và chữ rồi Giáo viên chấm ký tên xác nhận việc sửa chữa. Trong quá trình chấm Giáo viên quản lý bài được giao. Không một ai tự ý thay đổi điểm bài thi đã chấm. Nếu có sự thay đổi điểm phải được sự thống nhất của Tổ trưởng chuyên môn và Ban giám hiệu. Quy định làm tròn điểm bài thi môn tự luận, ví dụ:

- Từ 5,25 làm tròn thành 5,3.

- Từ 7,75 làm tròn thành 7,8.

## **Điều 20. Ghi điểm kiểm tra**

Điểm kiểm tra định kỳ phải được giáo viên ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh; nhập điểm trên hệ thống quản lý điểm Vnedu theo thời gian qui định của Ban lãnh đạo nhà trường.

Giáo viên tuyệt đối không được chỉnh sửa điểm sau khi ráp phách nếu không có phê duyệt của Ban lãnh đạo nhà trường.

Giáo viên nhập điểm kiểm tra của học sinh trực tiếp từ bài kiểm tra vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh và thực hiện bước kiểm dò khi có bảng điểm. Việc nhập điểm bài kiểm tra đánh giá học sinh vào hệ thống điểm của nhà trường yêu cầu phải đảm bảo chính xác và đúng tiến độ theo qui định của lãnh đạo nhà trường.

Giáo viên bộ môn có trách nhiệm thông báo điểm kiểm tra cuối kì cho học sinh khi đến lớp. Học sinh thắc mắc về điểm kiểm tra thì làm đơn xin chấm phúc khảo. Kết quả được thông báo đến học sinh trong thời gian sớm nhất;

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng sẽ phân công Tổ trưởng và các thành viên khác chấm thẩm định bài làm của học sinh khi cần thiết.

### **Điều 21. Phúc khảo bài kiểm tra**

Sau khi phát bài kiểm tra, nếu học sinh muốn phúc khảo bài kiểm tra thì làm đơn xin phúc khảo gửi Ban giám hiệu nhà trường trong thời gian quy định.

Phó Hiệu trưởng quản lý tổng hợp và phân công giáo viên chấm phúc khảo (có ghi biên bản chấm).

Điểm phúc khảo nếu có sự chênh lệch từ 01 điểm trở lên đối với bài kiểm tra 01 tiết và 0,5 điểm trở lên đối với bài kiểm tra học kỳ so với điểm chấm lần đầu, Giáo viên bộ môn xin phiếu điều chỉnh điểm từ Phó Hiệu trưởng và gửi nhân viên quản lý nhập điểm điều chỉnh điểm trên hệ thống.

## **CHƯƠNG V**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

#### **Điều 22. Trách nhiệm của Tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn**

1. Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

Tổ trưởng/ nhóm trưởng thống nhất với các thành viên trong tổ xây dựng lịch kiểm tra, đánh giá học sinh theo qui định. Lịch kiểm tra đánh giá học sinh phải được thể hiện trong kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn từ đầu năm học.

- Thực hiện báo cáo thống kê kết quả kiểm tra của các khối/ lớp sau mỗi đợt kiểm tra đánh giá định kỳ.

2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra, đánh giá định kì theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Đối với hình thức kiểm tra, đánh giá bằng hỏi - đáp, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp; nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với

các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh thì phải thực hiện ngay sau đó.

3. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học và trực tiếp vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh, học bạ.”.

4. Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kỳ, cả năm học của học sinh.

5. Bổ sung trách nhiệm của giáo viên môn học tại Điều 19 của Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT

### **Điều 23. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm**

1. Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp; giúp Hiệu trưởng theo dõi việc kiểm tra cho điểm, mức nhận xét theo quy định của Quy chế này.

2. Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học; xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.

3. Đánh giá kết quả rèn luyện và kết quả học tập của học sinh từng học kỳ, cả năm học. Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh xuất sắc, học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh có thành tích đột xuất; học sinh có thành tích đặc biệt; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện trong kỳ nghỉ hè.

4. Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

5. Ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh;

b) Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kỳ, cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè;

c) Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh trong đó có học sinh có năng khiếu các môn học đánh giá bằng nhận xét.

6. Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

7. Bổ sung trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm tại Điều 20 của Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT

### **Điều 24. Trách nhiệm của Hiệu trưởng**

1. Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến gia đình học sinh các quy định của Quy chế này; vận dụng quy định của Quy chế này để đánh giá, xếp loại học sinh khuyết tật.

2. Kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm tra, cho điểm và đánh giá nhận xét của giáo viên. Hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ gọi tên và ghi điểm của các lớp.

3. Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại, ghi kết quả vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm; phê chuẩn việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn khi đã có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm.

4. Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì các môn học theo quy định tại Quy chế này; kiểm tra, đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè

5. Kiểm tra, yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện Quy chế này phải khắc phục ngay sai sót trong những việc sau đây:

a) Thực hiện chế độ kiểm tra cho điểm và mức nhận xét; ghi điểm và các mức nhận xét vào sổ gọi tên và ghi điểm, học bạ; xếp loại hạnh kiểm, học lực, kết quả rèn luyện và học tập của học sinh;

b) Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực, kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

6. Xét duyệt danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp, danh hiệu thi đua, kiểm tra lại các môn học, rèn luyện trong kỳ nghỉ hè. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh trong sổ gọi tên và ghi điểm và học bạ sau khi tất cả giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm đã ghi nội dung.

7. Quyết định xử lý theo thẩm quyền, đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này.

8. Bổ sung trách nhiệm của Hiệu trưởng tại Điều 18 của Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT

9. Xây dựng, điều chỉnh lại Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh khi có các Văn bản hướng dẫn mới từ Sở GDĐT, Phòng GDĐT...

## **CHƯƠNG VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này được thông qua Hội đồng sư phạm nhà trường và có hiệu lực thi hành từ năm học 2024 – 2025.

#### **Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

Cán bộ quản lý, tổ trưởng các tổ bộ môn và giáo viên, nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy chế này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh vấn đề mới hoặc không còn phù hợp sẽ được điều chỉnh thay thế bằng các văn bản hướng dẫn kèm theo./.

**PHỤ LỤC**  
**CÁC CỘT ĐIỂM KIỂM TRA QUY ĐỊNH**  
*(Đính kèm theo Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh từ năm học 2024-2025*  
*của Trường Trung học cơ sở Tân Xuân)*

STT	MÔN	TỔNG SỐ TIẾT/NĂM	SỐ CỘT ĐIỂM								GHI CHÚ
			HỌC KÌ I			Số cột điểm HKI	HỌC KÌ II			Số cột điểm HKII	
			Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3		Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3		
			KTTX	KTGK	KTCK		KTTX	KTGK	KTCK		
1	TOÁN 6	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
2	TOÁN 7	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
3	TOÁN 8	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
4	TOÁN 9	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
5	KHTN 6	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
6	KHTN 7	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
7	KHTN 8	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
8	KHTN 9	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
9	C. NGHỆ 6	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
10	C. NGHỆ 7	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
11	C. NGHỆ 8	52	3	1	1	5	3	1	1	5	
12	C. NGHỆ 9	52	3	1	1	5	3	1	1	5	
13	TIN 6	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
14	TIN 7	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
15	TIN 8	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
16	TIN 9	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
17	VĂN 6	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
18	VĂN 7	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
19	VĂN 8	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
20	VĂN 9	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
21	LS- ĐL6	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
22	LS- ĐL7	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
23	LS- ĐL8	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
24	LS- ĐL9	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
25	GDCD 6	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
26	GDCD 7	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
27	GDCD 8	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
28	GDCD 9	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
29	NT6 (AN-MT)	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
30	NT7 (AN-MT)	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
31	NT8 (AN-MT)	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
32	NT9 (AN-MT)	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
33	GDTC 6	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
34	GDTC 7	70	2	1	1	4	2	1	1	4	

STT	MÔN	TỔNG SỐ TIẾT/NĂM	SỐ CỘT ĐIỂM								GHI CHÚ
			HỌC KÌ I			Số cột điểm HKI	HỌC KÌ II			Số cột điểm HKII	
			Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3		Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3		
			KTTX	KTGK	KTCK		KTTX	KTGK	KTCK		
35	GDTC 8	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
36	GDTC 9	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
37	NN 1-Anh 6	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
38	NN 1-Anh 7	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
39	NN 1-Anh 8	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
40	NN 1-Anh 9	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
41	HĐTN-HN 6	105	2	1	1	4	2	1	1	4	
42	HĐTN-HN 7	105	2	1	1	4	2	1	1	4	
43	HĐTN-HN 8	105	2	1	1	4	2	1	1	4	
44	HĐTN-HN 9	105	2	1	1	4	2	1	1	4	
45	GDĐP 6	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
46	GDĐP 7	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
47	GDĐP 8	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
48	GDĐP 9	35	2	1	1	4	2	1	1	4	